

Bản án số: 45/2018/HS-ST

Ngày: 16-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Bích Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hạ Tuấn** và ông **Đặng Viết Côi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà:
Bà **Nguyễn Thị Cúc** -Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Đ– Sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: thôn P, xã P1, huyện U, Hà Nội; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Minh T1 – Sinh năm: 1960 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T2 – Sinh năm 1963, làm ruộng ở Phù Lưu, Ứng Hòa; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai; Vợ: Nguyễn Ngọc H, Sinh năm 1996; Có 01 con, sinh năm 2015;

- Tiền sự: Không.

- Tiền án:

+ Ngày 11/8/2015 bị TAND huyện Ứng Hòa xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”; Chấp hành xong thời gian thử thách ngày 11/8/2016.

+ Ngày 18/9/2017, bị TAND huyện Ứng Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/01/2018.

Bị tạm giam từ ngày 26/4/2018 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T – Sinh năm 1990; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: thôn P, xã P1, huyện U, Hà Nội; Trình độ văn hóa: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T3 – Sinh năm: 1965; Con bà: Trần Thị V – Sinh năm 1967, đều làm ruộng ở P, U; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018 đến ngày 04/5/2018 được thay thế biện

pháp ngăn chặn áp dụng “*Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh **Nguyễn Quang T4**, sinh năm 1966 và Chị **Trần Thị Thùy D**, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: Ngõ 25, L, thị trấn V1, huyện U, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 02/2018, Nguyễn Minh Đ, Sinh năm 1991 ở P, P1, U, Hà Nội đến nhà anh Nguyễn Quang V2 ở số 2, ngõ 25, L thị trấn V1, U, Hà Nội để học việc làm răng giả. Đ ăn, ngủ tại xưởng nhà anh V2. Khoảng 17^h30’ ngày 25/4/2018, khi Đ đang ở xưởng thì thấy gia đình chị Trần Thị Thùy D, Sinh năm 1980 (là nhà đối diện nhà anh V2) không có ai ở nhà nên Đ nảy sinh ý định đột nhập vào nhà chị D trộm cắp tài sản. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ đi lên ban công tầng 3 của xưởng rồi trèo sang ban công nhà chị D, thấy cửa vào tầng 3 là cửa nhôm một cánh khóa trong, gần đó có 01 kim sắt đầu nhọn và 01 đoạn gậy tre nên Đ dùng kim cạy tấm nhôm ở cửa tạo được khe hở thì luồn gậy tre vào để bẩy làm cho khe cửa hở to ra rồi luồn tay vào kéo chốt cửa phía dưới ra; Do cửa còn chốt ngang ở giữa nên Đ tiếp tục dùng kim và gậy tre để bẩy, sau đó dùng hai tay bẻ cánh cửa, khi tạo được khoảng trống khoảng 40cm thì Đ rút đoạn gậy tre cạnh đó, đút chiếc kim sắt vào túi quần rồi chui vào trong nhà. Đ đi ra mở cửa sân phơi, thấy sân phơi được hàn khung sắt ở bên trên có mái tôn có khe hở đủ rộng để chui qua. Đ quay lại cửa vừa phá dùng hai tay kéo cửa kín lại để tránh bị phát hiện. Sau đó, Đ đi theo lối cầu thang xuống tầng 1 thì phát hiện thấy 01 đèn pin để ở kệ tivi, Đ lấy chiếc đèn pin soi tìm tài sản nhưng không thấy gì có giá trị nên Đ đi lên tầng 2, đi vào phòng bên phải lối cầu thang đi lên, Đ soi đèn thấy 01 laptop nhãn hiệu Dell đang cắm sạc để ở mặt bàn, Đ dùng tay rút dây sạc ra và lấy chiếc túi dây rút bằng vải ở giường cho laptop, dây sạc vào túi vải rồi lấy tiếp 01 nhẫn kim loại màu trắng bạc ở mặt bàn học cho vào túi đựng laptop. Sau đó, Đ lên tầng 3, đi ra sân phơi, cho đèn pin vào túi đựng laptop. Đ chui qua khe rào sắt ở sân phơi đi ra ban công tầng 3 rồi trèo sang ban công tầng 3 nhà xưởng anh V2. Đ cất giấu tài sản trộm cắp được tại phòng ở của mình rồi sang nhà ở của anh Vịnh ăn cơm.

Sau khi ăn xong, Đ mượn điện thoại của anh Nguyễn Văn T5 – Sinh năm 1993 ở B, H, U (người cùng làm với Đ) gọi điện cho Nguyễn Văn T – Sinh năm 1990 ở cùng thôn nói: “*Cháu Đ đây, cháu vừa lấy trộm được cái laptop, chú biết chỗ nào bán không*”. T nói “*Có*”. Đ nói: “*Chú lên V1 đi*”. T bảo: “*Lên V1 nhiều cơ động lắm, xuống T6 đi*.” Đ nói: “*Vâng*”. Đ lấy chiếc nhẫn vừa lấy được trong túi vải cho vào túi quần và cầm túi vải đựng laptop đi; Khi vừa đi ra khỏi ngõ được 100m thì có người đi xe máy (không rõ tên tuổi, địa chỉ) mời đi xe ôm. Đ đồng ý rồi đi xe ôm xuống Đầu Đê; khi đi đến đầu dốc N, V3, Đ móc chiếc kim trong túi quần ra vút qua bờ kè đê Sông Đáy. Còn T sau khi nghe điện thoại, T từ nhà đi đến

quán Internet của anh Phạm Như T6 – SN: 1986 ở Đ, H1 thì gặp Dư Đình T7 – SN: 1990 ở Đ, H1 (là bạn chơi cùng nhau). T rủ Thái “*đi lên Đầu Đê uống nước cùng tôi*”. T7 đồng ý và lấy xe máy chở T đi. Khi đi đến D1, H1 thì gặp Đinh Khắc H2 – SN: 1990 ở Đ, H1 (là bạn chơi cùng T và T7). T rủ “*đi xuống Đầu Đê uống nước đi*”. H2 đồng ý và lấy xe máy của mình đi cùng. Khi đi đến Đầu Đê, N thì cả ba ngồi uống nước, được 10 phút thì quán đóng cửa nên tất cả đi ra dè đường 21B đứng. Khi đang đứng ở đó thì Đ đi xe ôm đến, Đ xuống xe gặp T và đưa nhẫn, đưa túi vải đựng laptop cùng đèn pin cho T. T cầm túi mở ra xem và đưa cho T7 bảo “*xem hộ tao máy còn dùng được không*”. T7 mở máy ra bật nguồn nhưng không mở được thì đưa máy cho H2; H2 xem máy và nói “*Máy này cũ chắc được khoảng một triệu*”. H2 đưa lại cho T7 rồi đi xe sang T6 chơi; T7 cầm máy đưa cho T. T ra nói với Đ “*như này chỉ được 800.000đ*”. Do thấy rẻ nên Đ nói “*Không bán*”. T trả chiếc laptop thì Đ hỏi vay T 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) để đi xe ôm về. T đồng ý và đưa cho Đ 100.000 đồng và vẫn cầm chiếc nhẫn đi cùng Thái về quán internet lúc trước còn Đ thì đi bộ về phía V2 nhưng được một đoạn thì quay lại Đầu Đê thuê xe ôm đi tới quán internet mà T vẫn hay đến. Khi Đ đi đến đầu dốc Ngân Hàng H1 thì gặp Nguyễn Đức T8 – SN: 1997 ở cùng thôn đang đứng đó nên Đ xuống xe và nói với Toàn: “*Cho anh xuống quán nét*” T8 đồng ý chở Đ xuống quán nét. Khi xuống tới nơi, T8 vào chơi, còn Đ gặp T ở ngoài cổng quán Internet. Đ nói với T “*Cháu bán cho chú, chú mua cho cháu*”. T nói: “*bây giờ chỉ được năm trăm thôi*”; Đ nói: “*sao này bảo tám trăm*”, T nói: “*mày bán thì bán, không bán thì mang về*”, vì không biết bán ở đâu khác nên Đ đồng ý, T đưa cho Đ 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) và nói: “*trừ một trăm lúc này mày vay*”. Đ cầm tiền rồi lại nhờ T8 chở lên V2 để về nhà trọ ngủ.

Khoảng 21^h30’ chị D về nhà phát hiện nhà mình bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản nên đã trình báo Công an huyện U. Quá trình điều tra rà soát Cơ quan điều tra đã triệu tập Đ và T lên trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an nhận thấy không thể che giấu hành vi phạm tội của mình nên Đ và T đã xin đầu thú, giao nộp vật chứng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 máy tính laptop nhãn hiệu Dell Inspiron N5010, Model P10F;
- 01 sạc máy tính laptop nhãn hiệu Dell, Model DA90PM111;
- 01 túi vải màu đỏ, đen nhãn hiệu TF Boys, kích thước (37x45)cm, loại dây rút;
- 01 đèn pin màu đỏ, đen nhãn hiệu AFA dài 21cm;
- 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng bạc, đầu có đính đá màu trắng vàng;
- Số tiền: 485.000 đồng;
- 01 gậy tre dài 89cm, đường kính 3,5cm;
- 01 điện thoại Iphone 5 màu đen, số Imeil: 352044068215237.

Ngày 26/4/2018, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 37 đối với các tài sản bị trộm cắp nêu trên. Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 30-BBKL/HĐĐGTSTTT ngày 27/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Ứng Hòa kết luận:

+ 01 máy tính laptop nhãn hiệu Dell Inspiron N5010, Model P10F có giá trị là: 2.000.000đ;

+ 01 sạc máy tính laptop nhãn hiệu Dell, Model DA90PM111 có giá trị là: 200.000đ;

+ 01 túi vải màu đỏ, đen nhãn hiệu TF Boys, kích thước (37x45)cm, loại dây rút có giá trị: không đồng;

+ 01 đèn pin màu đỏ, đen nhãn hiệu AFA dài 21cm có giá trị: không đồng;

+ 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng bạc, đầu có đính đá màu trắng vàng có giá trị: 200.000đ.

Tổng cộng số tiền là: 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 43/CT-VKS ngày 18 tháng 6 năm 2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS. Nguyễn Văn T về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thừa nhận hành vi như bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

□p dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đ từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 26/4/2018.

□p dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T từ 6 tháng tù đến 9 tháng tù, nhậm cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 gậy bằng tre dài 89 cm, đường kính 3,5 cm;

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước:

01 điện thoại Iphone 5 màu đen, số Imeil: 352044068215237 đã qua sử dụng và số tiền 485.000 đồng.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, chứng cứ tại phiên tòa, qua xét hỏi và tranh luận:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Tối ngày 25/4/2018, Nguyễn Minh Đ đã lén lút vào nhà chị Trần Thị Thùy D, Sinh năm 1980 ở L, thị trấn V1, U, Hà Nội lấy trộm 01 máy tính laptop nhãn hiệu DELL INSPRON N 5010, 01 sạc máy tính laptop nhãn hiệu DELL, Model: DA90PM111, 01 túi vải màu đỏ đen nhãn hiệu TF Boys, 01 đèn pin màu đỏ đen, nhãn hiệu AFA, 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng bạc, mặt nhẫn có đính đá màu trắng. Chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là: 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi trộm cắp được, Nguyễn Minh Đ đã gọi điện và đến gặp Nguyễn Văn T để bán số tài sản trộm cắp cho T được 500.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Minh Đ đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS. Nguyễn Văn T phạm vào tội về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Minh Đ đã thực hiện là nguy hiểm, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, đến trật tự công cộng mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở nhiều địa phương. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm. Vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú và tự nguyện giao nộp tài sản để trả lại cho bị hại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Văn T là người mua lại tài sản do Nguyễn Minh Đ trộm cắp, mặc dù T biết rõ Đ trộm cắp nhưng do hám lời vẫn mua lại với giá 500.000 đồng, cũng cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo phạm tội. Nhưng cũng xét bị cáo đã tự nguyện nộp lại tài sản trả lại cho người bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi vụ án được phát hiện bị cáo ra đầu thú. Là những căn cứ để bị cáo mức án thấp nhất thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ngày 14/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quyết định xử lý vật chứng số 39 trả lại chị Trần Thị Thùy D 01 máy tính laptop, 01 sạc máy tính, 01 túi vải, 01 đèn pin màu đỏ, đen và 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng bạc, đầu có đính đá màu trắng vàng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 gậy bằng tre dài 89 cm, đường kính 3,5 cm;

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại Iphone 5 màu đen, số Imeil: 352044068215237 đã qua sử dụng và Số tiền 485.000 đồng,

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội « *Trộm cắp tài sản* ». Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

1. Về hình phạt:

* Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 30 (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 26/4/2018.

* Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 26/04/2018 đến ngày 04/05/2018 là **09 ngày bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Còn phải chấp hành 08 tháng 03 ngày.** Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo T cho UBND xã P, huyện U, thành phố Hà Nội quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng việc khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 gậy bằng tre dài 89 cm, đường kính 3,5 cm;

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại Iphone 5 màu đen, số Imeil: 352044068215237 đã qua sử dụng và số tiền 485.000 đồng.

(N như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/7/2018 giữa Công an huyện Ứng Hòa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa và Ủy nhiệm chỉ lập ngày 20/6/2018).

3. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1, điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ, Bị cáo Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND; Công an huyện Ứng Hòa;
- Chi cục T.H.ADS huyện Ứng Hòa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Niêm yết tại UBND xã P;
- Lưu : Hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Bích Hằng

